

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/DS-ST

Ngày 22 - 4 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Minh Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị Ng (vắng mặt).

Ông Hồng Văn V (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vào ngày 26/8/2018 âm lịch, bà Phạm Thị Ng có mượn của bà số tiền 50.000.000 đồng, bà Phạm Thị Ng có viết và ký tên vào biên nhận nợ. Bà có yêu cầu bị đơn trả tiền nhiều lần nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Ng, ông Hồng Văn V liên đới trả số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn là bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Việc bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V từ việc bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V còn nợ tiền nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N xác định bà Phạm Thị Ng có thỏa thuận mượn tiền còn nợ của bà số tiền là 50.000.000 đồng. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị N xác định vào ngày 26/8/2018 âm lịch bà đã thỏa thuận cho bà Phạm Thị Ng mượn với số tiền là 50.000.000 đồng, bà Phạm Thị Ng có viết và ký tên nhận nợ. Từ khi mượn nợ đến nay bà Phạm Thị Ng không trả tiền. Bà Nguyễn Thị N có liên hệ đòi nhiều lần nhưng bà Phạm Thị Ng cứ hẹn, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà Nguyễn Thị N đã cung cấp Giấy nhận nợ tiền ngày 26/8/2018 âm lịch có nội dung, chữ viết chữ ký của bà Phạm Thị Ng còn nợ tiền như nội dung bà Nguyễn Thị N đã yêu cầu. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[4]. Đối với bà Phạm Thị Ng không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà Nguyễn Thị N cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Hồng Văn V phải có trách nhiệm liên đới trong việc thanh toán số tiền còn nợ. Do bà Phạm Thị Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị N và buộc bà Phạm Thị Ng, ông Hồng Văn V phải trả toàn bộ số tiền từ việc còn nợ là 50.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N là có cơ sở.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V phải có nghĩa vụ liên đới chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Phạm Thị Ng và ông Hồng Văn V phải chịu trách nhiệm liên đới số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012347 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Phước**